

E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: FCO, CSV, Tủ PP, Tủ tụ bù, cách điện, dây cáp điện, cột điện, mẫu bê tông móng, phụ kiện điện... (quy định tại chương V-HSMT).</p> <p>* Đối với dây cáp điện, cách điện, FCO, CSV: Cung cấp biên bản thử nghiệm của đơn vị kiểm định độc lập, số lượng mẫu thử theo quy định tại văn bản số 5539/EVNNPC-KT của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc ban hành và áp dụng yêu cầu kỹ thuật đối với dây và cáp điện và Văn bản số 4048/EVNNPC-KT ngày 16/9/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc quy định lấy mẫu thử nghiệm xác suất, kiểm soát chất lượng mua sắm tập trung VTTB; Văn bản số 3029/EVNNPC ngày 09/06/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về Quy định bổ sung về kiểm soát chất lượng VTTB trước khi lắp đặt.</p> <p>* Đối với các vật tư, thiết bị khác: Theo quy định tại Chương V-HSMT.</p> <p>* Đối với VTTB thu hồi sau thi công:</p> <ul style="list-style-type: none"> - VTTB mới còn thừa sau thi công do không lắp đặt: Sau khi kết thúc thi công yêu cầu Bên B thu hồi vận chuyển để nhập kho theo yêu cầu của Bên A [chỉ áp dụng đối với VTTB A cấp mới B không đưa vào lắp đặt]. - VTTB thu hồi cũ tháo dỡ khỏi lưới: Trước khi thi công yêu cầu Bên B lập Biên bản có xác nhận của đơn vị quản lý tài sản xác định VTTB thu hồi trước khi tháo dỡ ra khỏi lưới, sau khi thi công lập Biên bản xác định VTTB sau tháo dỡ và vận chuyển bàn giao để nhập kho Đơn vị quản lý tài sản theo yêu cầu của Bên A. - Các Biên bản xác định vật tư thu hồi, phiếu nhập kho vật tư thu hồi có đóng dấu xác nhận của Đơn vị quản lý tài sản là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ nghiệm thu thanh toán của Hợp đồng. - Đối với Hồ sơ kiểm soát chất lượng của nhà thầu (theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng) sẽ được nộp sau 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
E-ĐKC 42.1	<p>* Tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tắc để tạm ứng cho Nhà thầu: Chủ đầu tư tiến hành tạm ứng cho Nhà thầu sau khi bàn giao một phần hoặc toàn bộ mặt bằng cho nhà thầu. Việc thanh toán tạm ứng sẽ được thực hiện theo tiến độ bàn giao mặt bằng của Chủ đầu tư, nhưng đảm bảo tổng giá trị tạm ứng tối đa là 30% giá trị Hợp đồng trước thuế. Tổng số lần tạm ứng không quá (3 lần). Giá trị từng lần tạm ứng là 10 % giá trị thực hiện ước tính theo khối lượng bàn giao mặt bằng.

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cung cấp các chứng từ tạm ứng sau: + Công văn đề nghị tạm ứng của Nhà thầu: 05 bản gốc + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của ngân hàng phát hành. + Bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành; - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản - Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (bảo lãnh trả trước) được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam hoặc một Ngân hàng nước ngoài (được Chủ đầu tư chấp nhận) phát hành, theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng. - Bảo lãnh trả trước có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng và là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và phải có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết tiền tạm ứng. - Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký. <p>* Thời gian tạm ứng: Sau khi ký kết hợp đồng, có kế hoạch vốn của EVNNPC và Hợp đồng tín dụng được ký kết.</p>
E-ĐKC 44.1	<p>1. Phương thức thanh toán:</p> <p>* Bên A sẽ thanh toán cho bên B thành một hoặc nhiều lần dựa trên đề nghị của nhà thầu và căn cứ vào tiến độ thực hiện, cơ sở đơn giá hợp đồng, khối lượng được nghiệm thu và chất lượng của từng lần thanh toán (bao gồm cả tạm ứng). Tuy nhiên đảm bảo tổng giá trị của tất cả các lần thanh toán không vượt quá 90% giá trị Hợp đồng trước thuế (bao gồm cả giá trị tạm ứng) và 100% thuế VAT (Việc thanh toán thuế VAT sẽ được thực hiện riêng);</p> <p>Bên A có trách nhiệm thẩm tra, xem xét và gửi lên cơ quan cấp phát vốn sau khi nhận được các hồ sơ do bên B lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị thanh toán: 06 bản gốc;

- + Hóa đơn GTGT: 01 bản gốc và 05 bản sao;
- + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Phụ lục 03a, 03c của Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/09/2025 (các văn bản sửa đổi thay thế khác nếu có): 06 bản gốc;
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đại diện bên A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc
- + Nhật ký thi công và biên bản nghiệm thu theo Quyết định số 2302/QĐ-EVNNPC ngày 20/9/2022 và văn bản số 6821/EVNNPC-ĐT ngày 22/12/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc.
- + Bản vẽ hoàn công: 06 bộ gốc;
- + Chứng chỉ chất lượng của hàng hóa (C/Q): 01 bản gốc hoặc 01 file scan bản gốc và 05 bản sao y công chứng (đối với hàng hóa nhập khẩu); 01 bản gốc và 05 bản sao y công chứng (đối với hàng hóa trong nước).
- + Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (C/O): 01 bản gốc hoặc 01 file scan bản gốc và 05 bản sao y công chứng (đối với hàng hóa nhập khẩu); 01 bản gốc và 05 bản sao y công chứng (đối với hàng hóa trong nước).
- + Vận đơn (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài): 01 file scan bản gốc và 05 bản sao y công chứng;
- + Biên bản thử nghiệm xuất xưởng được thực hiện bởi Nhà sản xuất: 01 bản gốc và 05 bản sao.
- + Biên bản thử nghiệm mẫu hàng hóa đạt yêu cầu của tổ chức thử nghiệm độc lập có đủ năng lực, tư cách pháp nhân theo quy định: 01 bản gốc và 05 bản sao.
- + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định và tem kiểm định trên thiết bị (chống sét van có cấp điện áp từ 1000V trở lên) của tổ chức kiểm định có đủ năng lực, tư cách pháp nhân theo quy định (theo Thông tư số 02/2025/TT-BCT): 01 bản gốc và 05 bản sao.
- + Chứng nhận bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Nhà cung cấp: 01 bản gốc và 05 bản sao y của nhà cung cấp;
- + Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị tại chân công trình trước khi sử dụng lắp đặt cho công trình có ký xác nhận của bên A và bên B (Yêu cầu ghi rõ số lượng, chất lượng, xuất xứ): 06 bản gốc;
- + Đối với các vật tư là vật liệu thô (Cát, đá, sỏi...): Bên B cung cấp hồ sơ thí nghiệm (các test thí nghiệm) và các hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa: 01 bản gốc và 04 bản sao y;
- + Đối với VTTB thu hồi (nếu có) phải có Biên bản xác nhận VTTB thu hồi trước và sau tháo dỡ, Biên bản bàn giao VTTB thu hồi có xác nhận của đơn vị quản lý vận hành theo quy định về quản lý vật tư.

*** Thanh toán 10% còn lại như sau:**

- 5% giá trị nghiệm thu quyết toán được thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 60 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, đóng điện, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và cung cấp cho Chủ đầu tư các hồ sơ sau:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành quyết toán có đại diện A, B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): 06 bản gốc;

+ Hồ sơ quyết toán giá trị có đại diện A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc;

+ Bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% giá trị hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao của ngân hàng phát hành.

- 5% còn lại được thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 03 tháng sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành và hai bên thanh lý hợp đồng.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).